

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CAO NGỌC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Cao Ngọc, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Thực hiện Công văn số 465/UBND-NV, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ năm 2024. Ủy ban nhân dân xã Cao Ngọc báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật:

Căn cứ Quyết định số 4997/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Ngọc Lặc về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Ngọc Lặc về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm. UBND xã đã xây dựng và ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 04/01/2024 về Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 05/01/2024 về Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 ; trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng công việc được giao, có thái độ phục vụ nhân dân tận tình, chuyên nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân thực hiện TTHC; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng hệ thống ISO vào hoạt động của đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết công việc được giao, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

UBND xã đã ban hành các văn bản nhằm triển khai kế hoạch CCHC năm 2024 đạt hiệu quả như:

- Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 04/01/2024 về Ban hành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024.

- Quyết định số 02/QĐ-UBND, ngày 05/01/2024 về Ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024;

- Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 15/01/2024 về Tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024;

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC:

Triển khai và tổ chức thực hiện đạt kết quả, tiến độ về nhiệm vụ thực hiện CCHC năm 2024 tại 06 nội dung chính gồm: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính

công, xây dựng chính quyền điện tử và công tác chỉ đạo, điều hành.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC (*Kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất; kết quả, tiến độ xử lý, khắc phục những hạn chế, bất cập sau kiểm tra*):

- Trong 6 tháng đầu năm 2024 qua kiểm tra đánh giá cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế cơ quan không có trường hợp cán bộ, công chức vi phạm.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC :

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã xây dựng Kế hoạch về kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Công tác tuyên truyền thực hiện bằng hình thức niêm yết công khai các thủ tục hành chính theo quy định. Triển khai đến các cán bộ, công chức, các đơn vị thôn, làng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, của huyện và của UBND xã về công tác CCHC, kiểm soát TTHC qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice. Đồng thời, đăng tải, cập nhật kịp thời các văn bản cũng như các hoạt động liên quan đến công tác CCHC lên Trang/cổng thông tin điện tử của xã, qua hệ thống loa truyền thanh của xã... để phục vụ hoạt động tra cứu, tìm hiểu của cán bộ, công chức và các tổ chức, cá nhân.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:

- Không có nhiệm vụ được giao

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương (*Tổng hợp từng nội dung, nêu rõ tính mới, tính sáng tạo và tính hiệu quả trong triển khai*):

- Chưa có mô hình, sáng kiến.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: xây dựng, ban hành văn bản QPPL theo đúng quy định hiện hành.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Đã tiến hành tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh của xã và tuyên truyền trực tiếp tại nhà văn hóa 10 thôn, đăng bài trên cổng thông tin của xã.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật): Chưa ban hành văn bản QPPL.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (*Số lượng TTHC được rà soát; số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa*): 09 thủ tục lĩnh vực bảo trợ xã hội, văn hóa cơ sở, dân tộc theo Quyết định của Trung ương, tỉnh.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (*Tổng số TTHC; chi tiết số lượng TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương*): 239 thủ tục.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp (*Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động*):

Hiện nay, bộ phận Một cửa UBND xã bố trí một phòng làm việc diện tích 20m² để Bộ phận một cửa làm việc: gồm 01 công chức Tư pháp, 01 công chức văn phòng và 01 cán bộ bán chuyên trách văn thư lưu trữ được trang bị 01 máy tính có kết nối Internet, 01 máy in và 01 máy Scan.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Có 336 hồ sơ.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương: 336 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: không

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: các thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: Được thực hiện đúng quy định.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: Tiếp tục thực hiện đúng quy định.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: tổng số công chức xã đến tới điểm báo cáo là 07 công chức, chưa đủ chỉ tiêu giao đối với xã loại II do công tác luân chuyển, sắp xếp lại vị trí việc làm.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Thực hiện đúng theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Bố trí vị trí việc làm đúng với chuyên môn nghiệp vụ của công chức.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*): Không

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Không

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Không

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: thực hiện và chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính: Chấp hành nghiêm theo quy định và nội quy quy chế cơ quan, trong Quý không có cán bộ, công chức vi phạm.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Đã đăng ký đào tạo theo quy định.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương: Không

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương: thực hiện đúng Luật tài chính và các quy định của pháp luật.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao: xây dựng kế hoạch thu theo dự toán huyện giao và HĐND xã phê chuẩn;

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: 4,639 tỷ đồng.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Không

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Ban hành Quy chế quản lý tài sản nhà nước tại Công sở xã Cao Ngọc và các tài sản khác ở các đơn vị trực thuộc xã do xã đầu tư, mua sắm theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*): Không

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương:

Tiếp tục thực hiện tốt việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc, thủ tục hành chính trên Môi trường điện tử trong cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn xã Cao Ngọc.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: bình quân 01 máy tính/01 cán bộ, công chức. Máy scan 01 cái. Máy in 19 cái. Hệ thống Internet lắp đặt đến tất 19 máy tính. Mạng Wifi được phủ rộng trong công sở làm việc.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực: Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, trực tuyến toàn trình được thực hiện đúng quy định. Tổng số 336 TTHC, trong đó giải quyết đúng hạn: 336 TTHC, quá hạn: 0 TTHC.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực: Công tác cải cách hành chính về cơ bản đã thực hiện đúng quy định. Giải quyết TTHC đảm bảo giảm thời gian, chi phí cho công dân và các tổ chức. Tạo niềm tin của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:

- Công tác tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân do nhận thức và điều kiện của nhân dân về dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TRỌNG TÂM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền về cải cách hành chính

- Phân công, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, tập thể. Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ cải

cách hành chính.

- Đổi mới cách thức, đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền về cải cách hành chính, trong đó tập trung đến công khai, minh bạch, giảm thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công. Tuyên truyền CCHC, cải cách TTHC trên trang thông tin điện tử xã, trên sóng Đài Phát thanh xã. Thực hiện lồng ghép các nội dung CCHC qua các lớp tập huấn, qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; các hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng và các hội thao, hội diễn...

- Đẩy mạnh tự kiểm tra cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tầng lớp nhân dân trong giám sát thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị.

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt công tác CCHC phấn đấu được UBND huyện đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024.

- Duy trì việc đưa nội dung thông tin về tình hình thực hiện CCHC, kết quả thực hiện cải cách TTHC vào các cuộc họp của UBND xã.

2. Cải cách thể chế

- Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật các cấp đã ban hành, đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đúng theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành. Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.

- Đảm bảo tất cả thủ tục hành chính (TTHC) được kiểm soát chặt chẽ và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024 của UBND huyện Ngọc Lặc.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời việc công khai, niêm yết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, cấp xã ngay sau khi cấp có thẩm quyền công bố TTHC.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (bộ phận một cửa) cấp xã, cấp xã.

- Nâng cao chất lượng việc thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm cá nhân có hành vi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu trong quá trình giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (nếu có) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiến hành rà soát, sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức các bộ phận chuyên môn UBND xã theo quy định.

- Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự

phục vụ của cơ quan trên địa bàn xã.

5. Cải cách công vụ

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, công chức (triển khai khi UBND huyện ban hành văn bản hướng dẫn).

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả; hợp lý về cơ cấu (triển khai khi UBND huyện ban hành văn bản hướng dẫn)..

- Đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

- Đổi mới công tác quản lý hồ sơ công chức, viên chức (triển khai khi UBND huyện ban hành văn bản hướng dẫn).

6. Cải cách tài chính công

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng.

7. Xây dựng chính quyền điện tử

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan UBND xã, Bộ phận một cửa UBND xã.

Thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông trong xử lý công việc của các bộ phận chuyên môn. Giảm tối đa hội họp và văn bản theo hình thức truyền thống.

Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh việc triển khai cung cấp, tiếp nhận, giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến theo quy định.

Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc và hệ thống một cửa điện tử tại xã.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí cho Bộ phận Một cửa cấp xã.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm. Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của UBND xã Cao Ngạc./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng Nội vụ (B/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Công chức chuyên môn UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hà

Phụ lục 01b
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	đang thực hiện	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	3	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã		0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý công bố mới	Thủ tục	15	
3.1.2.	Số TTHC thuộc thẩm quyền bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	9	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	239	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	239	
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp huyện	Thủ tục		
3.2.2.	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã		239	
3.2.3.	Số TTHC liên thông cùng cấp			
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã			
3.2.4.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã			
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã			
3.2.6.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã			
10.2.7	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	336	
Trong đó	Tiếp nhận trực tiếp			
	- Cấp huyện			
	- Cấp xã		336	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tiếp nhận qua BCCI	Số lượng hồ sơ	0	
	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ		
	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ		
	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
3.3.1.	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ		
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>			
	<i>Trả qua BCCI</i>			
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 3</i>			
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 4</i>			
3.3.2.	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	336	
Trong đó	<i>Trả trực tiếp</i>			
	<i>Trả qua BCCI</i>			
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 3</i>			
	<i>Giải quyết trực tuyến mức độ 4</i>			
3.3.3.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng	Số lượng hồ sơ	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	hện			
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã		0	
3.3.4.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hện	Số lượng hồ sơ	0	
Trong đó	Tại cấp huyện			
	Tại cấp xã		0	
3.4.	Công khai kết quả giải quyết			
3.4.1.	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết		
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
3.4.2.	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	0	
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã		0	
3.4.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	0	
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã		0	
3.5.	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi			
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số phòng, ban chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý/trung tâm trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số DVSNCL giáo dục đào tạo	Cơ quan, đơn vị		
	Số DVSNCL khác	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ DVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	08	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	07	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		
5.3.2.	Số lãnh đạo UBND được bầu/bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng/ban thuộc huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	Có ban hành KH = 1 Không ban hành KH = 0	1	
5.4.2.	Số lượng, tỷ lệ đơn vị được kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính	%		

STT	Chi tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.5.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.6.	Số lượng công chức bị kỷ luật	Người	0	
Trong đó	- Cấp huyện			
	- Cấp xã			
5.4.7.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.	Tổng số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư			
6.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên			
6.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên			
13.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70%- dưới 100% chi thường xuyên</i>			
13.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30%- dưới 70% chi thường xuyên</i>			
13.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10%- dưới 30% chi thường xuyên</i>			
6.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên			
6.6.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 2 cấp = 1	1	

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Từ UBND huyện đến 100% UBND cấp xã.	3 cấp = 2		
7.2.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị		
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ đến cấp xã	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0		
7.3.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.3.3.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1.	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0		
7.4.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	%		
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.6.	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO			
7.6.1	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND huyện	Có thực hiện = 1		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Không thực hiện = 0		
7.6.2	Số lượng đơn vị cấp xã đã áp dụng	Đơn vị		
7.6.3	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	